

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST  
Ngày: 06/01/2022  
V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Anh Thư

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 142/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2021/QĐST- DS ngày 20/12/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Qu ; địa chỉ: Tòa nhà S, đường P, phường B, Quận 1, thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Thiên Đ, sinh năm 1997; trú tại: Tầng 6, tòa nhà P, Quận B, Thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1985; trú tại: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 21/02/2017, ông Nguyễn Quang T ký hợp đồng tín dụng số 0037.HĐTD.625.17.VIB với Ngân hàng TMCP Qu với số tiền vay là 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu); mục đích vay mua ô tô đã qua sử dụng

nhãn hiệu BMW 528i, sản xuất năm 2014, biển số 61A- 349.73 làm phương tiện đi lại. Thời hạn vay 72 tháng từ ngày 22/02/2017 đến ngày 22/02/2023; lãi suất cho vay bằng 8.6%/năm trong 12 tháng đầu tiên để từ thời điểm giải ngân. Từ tháng 13 trở đi, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở do ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,99%/năm. Hàng tháng trả nợ gốc và lãi vào ngày 22, mỗi kỳ trả 22.223.000đ, tháng cuối cùng trả 22.167.000đ. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ngày 22/02/2017 ông T ký đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0037.KUNN.625.17.VIB ngày 22/02/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Quang T luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông T vẫn không thực hiện. Vì vậy, ngân hàng đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 22/02/2020. Tính đến ngày 29/9/2020, ông Nguyễn Quang T đã thanh toán được số tiền 1.240.319.354đ, trong đó nợ gốc là 847.905.000đ, nợ lãi là 392.414.354đ; số tiền ông T còn nợ là 831.438.185đ, trong đó tiền nợ gốc là 752.095.000đ, nợ lãi phát sinh là 79.343.185đ. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang T trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 1.041.958.663đ, trong đó tiền nợ gốc 752.095.000đ, lãi phát sinh là 289.863.663đ (gồm lãi trong hạn 8.242.262đ, lãi quá hạn 281.621.401đ).

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hồ sơ pháp lý của ông T, Hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Quang T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP Qu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quang T thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 0037.HĐTD.625.17.VIB. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo hợp đồng ông T cư trú tại phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình

Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại các Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng không tới tham dự phiên tòa. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Qu khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Quang T thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/01/2022) là 1.041.958.663đ, trong đó 752.095.000đ nợ gốc, 8.242.262đ nợ lãi trong hạn và 281.621.401đ nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 0037.HĐTD.625.17.VIB ngày 21/02/2017 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0037.KUNN.625.17.VIB ngày 22/02/2017. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Quang T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Qu theo thỏa thuận nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Quá trình tố tụng ông T vắng mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Qu khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền nêu trên là có căn cứ.

[2.2] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Qu đối với bị đơn ông Nguyễn Quang T về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 06/01/2022 là 1.041.958.663đ, trong đó 752.095.000đ nợ gốc, 8.242.262đ nợ lãi trong hạn, 281.621.401đ nợ lãi quá hạn.

[2.3] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 07/01/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0037.HĐTD.625.17.VIB ngày 21/02/2017 cho đến khi ông Nguyễn Quang T trả xong các khoản nợ.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Qu về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Quang T.

- Buộc ông Nguyễn Quang T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Qu số tiền nợ tính đến ngày 06/01/2022 là 1.041.958.663đ (một tỷ, không trăm bốn mươi một triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm sáu ba đồng), trong đó 752.095.000đ nợ gốc, 8.242.262đ nợ lãi trong hạn, 281.621.401đ nợ lãi quá hạn.

- Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 07/01/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0037.HĐTD.625.17.VIB ngày 21/02/2017 cho đến khi ông Nguyễn Quang T trả xong các khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quang T phải chịu 43.258.760đ (bốn mươi ba triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Qu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Ngân hàng 18.470.000đ (mười tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049093 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Chánh án (để báo cáo);
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Anh Thư**